

**Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma**  
**Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA**

**Bài học ngày 20.12.2022**

---

**KÍNH PHẬT TRỌNG TẶNG**  
**Kinh Đảnh Lễ Bạc Đạo Sư (Sattḥāravandanāsuttam)**  
CHƯƠNG XI. TƯƠNG ƯNG SAKKA - PHẨM THỨ HAI (S. i, 235)

*Không thể hiểu Phật nếu không thấy được giá trị cao quý của Chánh Pháp. Không thể kính lễ Bạc Đạo Sư mà không quý trọng đồ chúng do bậc thầy dẫn đạo. Ở đây thành ngữ “kính Phật trọng Tăng” không mang ý nghĩa đối đãi thường tình mà ở cách hiểu xác thật nhất: giác ngộ giải thoát mang giá trị tối thượng; bậc tự mình giác ngộ con đường xuất thế đáng tôn quý mà chính người bước theo chân Thầy cũng đáng tôn quý. Ba ngôi Phật, Pháp, Tăng tuy ba mà một.*



**Kinh Văn**

**Sāvattiyam jetavane. “Bhūtapubbam, bhikkhave, sakko devānamindo mātaḷiṃ saṅgāhakaṃ āmantesi – ‘yojehi, samma mātaḷi, saḥassayuttam ājaññaratham, uyyānabhūmiṃ gacchāma subhūmiṃ dassanāyā’ti. ‘Evaṃ bhaddantavā’ti**

Tại Jetavana (Kỳ Viên), Sāvatti (Xá Vệ).

-- Này các Tỷ khưu, thưở trước Thiên chủ Sakka nói với người đánh xe như sau:

" - Này Mātali thân mến, hãy thắt ngàn tuấn mã vào cỗ xe. Chúng ta đi đến thượng uyển để ngắm cảnh".

" -- Thừa vâng, Thiên chủ".

**Kho, bhikkhave, mātaḷi saṅgāhako sakkassa devānamindassa paṭissutvā saḥassayuttam ājaññaratham yojetvā sakkassa devānamindassa paṭivedesi – ‘yutto kho te, mārisa, saḥsayutto ājaññaratho. Yassa dāni kālam maññasi’”ti. Atha kho, bhikkhave, sakko devānamindo vejyantapāsādā**

**orohanto añjaliṃ katvā sudam̐ bhagavantam̐ namassati. Atha kho, bhikkhave, mātaḷi saṅgāhako sakkam̐ devānamindam̐ gāthāya ajjhabhāsi –**

Này các Tỷ khuru, người đánh xe Mātali trả lời Thiên chủ Sakka; sau khi thắng ngàn tuần mã vào cỗ xe, liền báo với Thiên chủ Sakka:

" -- Thưa Ngài, thiên xa đã sẵn sàng. Ngài có thể tùy nghi!"

Này các Tỷ khuru, Thiên chủ Sakka từ cung điện Vejayanta đi xuống, chấp tay đánh lễ các phương hướng.

Này các Tỷ khuru, bấy giờ người đánh xe Mātali nói với Thiên chủ Sakka bằng kệ ngôn:

**“Yañhi devā manussā ca, tam̐ namassanti vāsava;  
Atha ko nāma so yakkho, yam̐ tvam̐ sakka namassasī”’ti.**

“Thưa Đức Vāsava  
Nhân thiên kính lễ Ngài  
VẬY bậc oai đức nào  
Ngài lễ, hỡi Thiên chủ?

(Sakka):

**“Yo idha sammāsambuddho, asmim̐ loke sadevake;  
Anomanāmam̐ satthāram̐, tam̐ namassāmi mātaḷi.**

**“Yesam̐ rāgo ca doso ca, avijjā ca virājitā;  
Khīṇāsavā arahanto, te namassāmi mātaḷi.**

**“Ye rāgadosavinayā, avijjāsamatikkamā;  
Sekkhā apacayārāmā, appamattānusikkhare;  
Te namassāmi mātaḷi”’ti.**

“Ở đây Đấng Chánh Giác  
Trong đời với chư thiên  
Bậc Đạo Sư uy danh  
Ta đánh lễ vị ấy  
Hỡi này Mātali.

“Những La Hán lậu tận  
Không tham, sân, vô minh  
Ta lễ chư vị ấy  
Hỡi này Mātali.

“Bậc hữu học siêng tu  
Hoan hỷ hạnh buông xả  
Đang tháo gỡ tham, sân,  
Và vô minh si ám  
Ta lễ chư vị ấy  
Hỡi này Mātali.

(Mātali):

**“Setṭhā hi kira lokasmiṃ, ye tvaṃ sakka namassasi;  
Ahampi te namassāmi, ye namassasi vāsava”ti.**

“Những người Ngài đánh lễ  
Thật cao quý trong đời  
Tôi cũng xin kính lễ  
Những người Ngài kính lễ  
Thưa Ngài Vāsava!

(Thế Tôn):

**“Idaṃ vatvāna maghavā, devarājā sujampati;  
Bhagavantam namassitvā, pamukho rathamāruhi”ti.**

“Thiên chủ Maghavā  
Phu quân của Sujā  
Sau khi lễ Thế Tôn  
Chủ tể bước lên xe.



“Yañhi devā manussā ca = chư thiên và nhân loại  
tam namassanti vāsava = đánh lễ Ngài, hỡi Đức Vāsana  
Atha ko nāma so yakkho = vậy bậc oai đức danh gọi gì?

**yam tvam sakka namassasi**’ti = mà Ngài đánh lễ, thưa Đức Sakka?

“**Yo idha sammāsambuddho** = Ở đây Đấng Chánh Đẳng Giác  
**asmim loke sadevake** = trong thế giới cùng với chư thiên  
**Anomanāmaṃ satthāraṃ** = Bậc Đạo Sư uy danh  
**taṃ namassāmi mātali** = Ta đánh lễ vị ấy

“**Yesam rāgo ca doso ca, avijjā ca virājitā** = Đối với những bậc đã tẩy sạch tham  
dục, sân hận và vô minh.

**Khīṇāsavā arahanto** = các bậc La Hán lậu tận  
**te namassāmi mātali** = Ta đánh lễ chư vị ấy, hỡi Mātali

“**Ye rāgadosavinayā, avijjāsamattikkamā** = những bậc đang gột rửa tham, sân,  
vô minh

**Sekkhā apacayārāmā** = những bậc hữu học hoan hỷ trong sự từ bỏ  
**Appamattānusikkhare** = tích cực kiên trì sự tu tập  
**Te namassāmi mātali**’ti = Ta đánh lễ chư vị ấy, hỡi Mātali

“**Setṭhā hi kira lokasmim ye tvam sakka namassasi** = những người Ngài đánh lễ  
quả thật cao quý thưa Thiên chủ

**Ahampi te namassāmi, ye namassasi vāsavā**’ti = Ngài đánh lễ người nào tôi cũng  
đánh lễ người ấy, thưa Vāsava

“**Idaṃ vatvāna maghavā, devarājā sujampati** = Thiên vương Maghavā phu quân  
của Sujā sau khi giải thích như vậy

**Bhagavantam namassitvā** = sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn  
**pamukho rathamāruhi**’ti = Bậc chủ tể leo lên thiên xa



### Thích nghĩa

*Chữ Satthāra - bậc Đạo Sư, bậc Chân Sư - cần được hiểu với điểm nhấn là bậc có khả năng giáo hoá thiện xảo mà đồ chúng là những vị ưu việt. Trò giỏi thì thầy hay hoặc hiểu ngược lại.*

*Chữ anomanāmaṃ nghĩa đen là danh xưng tối thượng nhưng theo Sớ giải thì chỉ cho “danh gọi tối thượng trong tất cả danh xưng với phẩm hạnh hoàn toàn tương xứng” (Anomanāanti sabbagūṇehi omakabhāvassa natthitāya*

*sabbaguṇanemittakehi nāmehi anomanāmaṃ*) giống như ý nghĩa của cụm từ “danh bất hư truyền”.

*Theo Sớ Giải lý do đề cập tham, sân, vô minh (thay vì tham, sân, si) vì vô minh che lấp sự liễu tri bốn diệu đế (catusaccapaṭic chādikāya vatta mūlakaavijjāya samatikkamena).*

*Chữ apacaya dịch là đang tháo gỡ chỉ cho công hạnh những bậc đang tu tập, hay bậc hữu học như thường được gọi, khác với “lậu tận” chỉ cho bậc viên giác (cũng được gọi là bậc vô học). Chữ hữu học và vô học trong kinh Hán Tạng mang ý nghĩa rất khác với cách dùng thông thường.*

*Tỳ khuru Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình*

## **9. Satthāravandanāsuttaṃ [Mūla]**

**265.** Sāvattḥiyaṃ jetavane. “Bhūtapubbaṃ, bhikkhave, sakko devānamindo mātaliṃ saṅgāhakaṃ āmantesi – ‘yojehi, samma mātali, saḥassayuttaṃ ājaññarathaṃ, uyyānabhūmiṃ gacchāma subhūmiṃ dassanāyā’ti. ‘Evaṃ bhaddantavā’ti kho, bhikkhave, mātali saṅgāhako sakkassa devānamindassa paṭissutvā saḥassayuttaṃ ājaññarathaṃ yojetvā sakkassa devānamindassa paṭivedesi – ‘yutto kho te, mārisa, saḥassayutto ājaññaratho. Yassa dāni kālaṃ maññasī’”ti. Atha kho, bhikkhave, sakko devānamindo vejayantapāsādā orohanto añjaliṃ katvā sudaṃ bhagavantaṃ namassati. Atha kho, bhikkhave, mātali saṅgāhako sakkam devānamindaṃ gāthāya ajjhabhāsi –

“Yañhi devā manussā ca, taṃ namassanti vāsava;  
Atha ko nāma so yakkho, yaṃ tvaṃ sakka namassasī”ti.

“Yo idha sammāsambuddho, asmiṃ loke sadevake;  
Anomanāmaṃ satthāraṃ, taṃ namassāmi mātali.

“Yesam rāgo ca doso ca, avijjā ca virājitā;  
Khīṇāsavā arahanto, te namassāmi mātali.

“Ye rāgadosavinayā, avijjāsamatikkamā;  
Sekkhā apacayārāmā, appamattānusikkhare;  
Te namassāmi mātālī”ti.

“Setṭhā hi kira lokasmiṃ, ye tvaṃ sakka namassasi;

Ahampi te namassāmi, ye namassasi vāsavā’’ti.

“Idaṃ vatvāna maghavā, devarājā sujampati;  
Bhagavantam namassitvā, pamukho rathamāruhi’’ti.

## 9. Satthāravandanāsuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

265. Navame **bhagavantam namassatīti** ekamsam uttariyam dukulam katvā, brahmajāṇuko hutvā sirasi añjalim ṭhapetvā namassati. **So yakkhoti** so sakko. **Anomanā**manti sabbaguṇehi omakabhāvassa natthitāya sabbaguṇanemittakehi nāmehi anomanāmaṃ. **Avijjāsamattikkamāti** catusaccapaṭicchādikāya vaṭṭamūlakaavijjāya samattikkamena. **Sekkhāti** satta sekkhā. **Apacayārāmāti** vaṭṭaviddhamane ratā. **Sikkharetī** sikkhanti. Navamaṃ.